TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/KDTM-PT
Ngày: 30/3/2023
V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Điều Văn Hằng;

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Phan Nam;

Bà Lê Thị Thúy Bình.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Minh Tùng– Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 15/2020/TLPT-KDTM ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 22tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2749/2023/QĐ-PT, ngày 14 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty X; địa chỉ: số 22 H, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Đ, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang C, chức vụ: Phó Tổng giám đốc, Công ty X. Theo văn bản ủy quyền số 04/QĐ - CT ngày 03- 01-2017.

Người đại diện theo ủy quyền lại:

Ngân hàng Y; địa chỉ: Số 22 N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ngân hàng Y.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình L: Ông Mai Xuân T; chức vụ: Giám đốc Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản, Ngân hàng Y.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Xuân T:

1. Ông Nguyễn Quốc H; chức vụ: Phó giám đốc quản lý khách hàng cá nhân miền Bắc, Phòng quản lý khách hàng cá nhân miền Bắc, Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản, Ngân hàng Y. Vắng mặt.

2. Ông Đỗ Hoàng Q; chức vụ: Chuyên viên tố tụng , Phòng quản lý khách hàng cá nhân khu vực miền Bắc, Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản, Ngân hàng Y. Có mặt.

3. Ông Trần Hoàng Q1; chức vụ: Chuyên gia hỗ trợ nghiệp vụ, Phòng quản lý khách hàng cá nhân khu vực miền Bắc, Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản, Ngân hàng Y. Có mặt.

Bị đơn:

1. Nguyễn Văn D, sinh năm 1974; đăng ký HKTT: B1** tòa nhà T0, phường M, quận N1, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Số nhà 107 đường Đ, khu đô thị H2, xã L1, thành phố Nam Định. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị C1 (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà C1:

- Cụ Nguyễn Thị T1, sinh năm 1922; đăng ký hộ khẩu: Số nhà 97 đường T1, phường C, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Tổ 22, đường T2, phường L2, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn D; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Nguyễn Dũng M, sinh năm 1994; Có mặt.

- Chị Nguyễn Thu C2, sinh năm 1998; Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Trí K, sinh năm 2002; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Nguyễn Quỳnh A, sinh năm 2009. Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: số B1** tòa nhà T0, phường M, quận N1, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Quỳnh A: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1974; đăng ký hộ khẩu: số B110 tòa nhà T0, phường M, quận N1, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: số nhà 107 đường Đ, khu đô thị H2, xã L1, thành phố Nam Định. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Công ty cổ phần A; địa chỉ: Khu công nghiệp S, phường P, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Xuân T2, chức vụ: Chủ tịch Hội đông quản trị, Công ty cổ phần A.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị T3, chức vụ: Phó Tổng giám đốc, Công ty cổ phần A. Theo văn bản ủy quyền số 01/QUQ/TBS/2019 ngày 18-9-2019. Vắng mặt.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn D; địa chỉ: Lô 26 Khu đô thị H2, xã L1, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D – Chức vụ: Giám đốc, Công ty trách nhiệm hữu hạn D. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H1; địa chỉ: Số 12A, ngõ B, phường L3, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Ông Trần Trọng H2; chức vụ: Giám đốc chi nhánh Thái Bình – Ngân hàng TMCP F; địa chỉ: số 458 L4, phường Đ1, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Hoàng Q2; chức vụ: Giám đốc chi nhánh Nam Định – Ngân hàng TMCP F; địa chỉ: Lô 13+21 đường Đ, Khu đô thị mới G, xã L1, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Đinh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Ông Phạm Huy T4; chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP F; địa chỉ: số 22 phố N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Ông Đặng Quốc D1; chức vụ: Phó trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp, Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng TMCP F. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Nam Định; địa chỉ: Số 120 đường N2, phường T3, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Đ1, chức vụ: Cục trưởng, Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Q3; chức vụ: Trưởng phòng nghiệp vụ và Tổ chức thi hành án, Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05-9-2011 Tổng Công ty Z - Chi nhánh Nam Định nay là Ngân hàng Y và ông Nguyễn Văn D cùng vợ là Nguyễn Thị C1 (bà C1 đã chết ngày 05-4-2015) ký Hợp đồng tín dụng số HĐTD-TC- 022/27/2011 (sau đây viết tắt là Hợp đồng tín dụng) với các điều khoản tóm tắt như sau: PVXX cấp tín dụng cho ông D bà C1 vay là 25 tỷ đồng để ông D góp vốn vào Công ty trách nhiệm hữu hạn D (sau đây viết tắt là Công ty D) để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày giải ngân. Ngoài ra, Hợp đồng tín dụng còn quy định về lãi suất cho vay, việc điều chỉnh lãi suất theo thời kỳ, thời hạn trả gốc, lãi, quyền và nghĩa vụ cho các bên.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Hai bên ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 10/HĐTC-BL/TCD-CNNĐ ngày 02-3-

2010 và phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/PL/HDTC-BL/TCDK-CNND ngày 19-10-2010, theo đó ông D bà C1 thế chấp thửa đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất Lô 26 A tờ bản đồ quy hoạch chi tiết khu đô thị W, diện tích 2677,6m2 tại Khu đô thị mới W, thành phố Nam Định đứng tên ông D, bà C1 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 13-01-2009. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, tài sản bảo đảm đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký thông tin nhà đất, Phòng tài nguyên và môi trường, thành phố Nam Định ngày 02-3-2010.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng, ngày 05-9-2011 PVXX đã giải ngân số tiền vay 25 tỷ đồng theo khế ước nhận nợ số 01 ngày 05-9-2011. Ông D, bà C1 đã trả nợ vào ngày 21-9-2011 số tiền 02 tỷ đồng, sau đó không tiếp tục trả nợ.

Ngày 04-4-2013 PVXX (nay PVXY) là đã khởi kiện ông D, bà C1 về Hợp đồng tín dụng nêu trên. Ngày 28-4-2014 Tòa án thành phố Nam Định đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm tranh chấp Hợp đồng tín dụng và ra Bản án số 20/2014/DS-ST ngày 28-4-2014. Bản án này không bị kháng cáo và không bị kháng nghị và có hiệu lực, ngày 23-6-2014 PVXY có đơn yêu cầu thi hành.

Ngày 15-9-2014 PVXY ký Hợp đồng mua bán nợ số 2714/2014 với Công ty X về việc bán khoản Vay của ông D.

Ngày 26-11-2014 Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định tiến hành cưỡng chế kê biên tài sản bảo đảm là lô đất số 26A có diện tích 2.677,6m2 nằm trong khu đô thị W đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 13-01-2009.

Ngày 23-3-2015 ông D tự nguyện thanh toán 11 tỷ đồng cho PVXY và cam kết tiếp tục trả nợ, nhưng ông D đã vi phạm cam kết. Vì vậy, PVXY đã yêu cầu Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ.

Ngày 09-6-2016 Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định ra thông báo bán đấu giá tài sản. Tuy nhiên, ông D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị giám đốc thẩm đối với bản án đã có hiệu lực nêu trên.

Ngày 21-12-2016 Tòa án cấp cao tại Hà Nội ra quyết định giám đốc thẩm số 105/2016/DS-GĐT hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 20/2014/DS-ST của Tòa án thành phố Nam Định. Ngày 11-9-2017 PVXY rút đơn khởi kiện.

Ngày 01-02-2018 PVXY với tư cách là người đại diện ủy quyền của Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam, đã khởi kiện ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị C1. Do quá trình thu thập hồ sơ vụ án Tòa án thành phố Nam Định có chứng cứ chị Nguyễn Thu C2 là con của ông D và bà C1 đã xuất cảnh ra nước ngoài, nên Tòa án tỉnh Nam Định đã thụ lý theo thẩm quyền.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông D, bà C1 đã trả được gốc là 13 tỷ đồng vào ngày 21-9-2011 và ngày 23-5-2015; trả lãi là 886.265.000đ từ tháng 9-2011 đến tháng 11-2011. Tổng là 13.886.265.000đ.

Từ tháng 11-2011 đến nay ông D không thanh toán nợ lãi, nợ gốc PVXY đã nhiều lần làm việc với ông D, bà C1 đôn đốc trả nợ nhưng không hợp tác. Dư nợ của ông D, bà C1 tạm tính đến ngày 30-9-2019 nợ gốc là 12 tỷ đồng, nợ lãi là 29.301.585.694đồng, tổng là 41.301.585.694đồng.

Đe nghị Tòa án buộc ông D và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà C1 phải trả tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 30-9-2019 là 41.301.585.694đồng. Buộc ông D và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà C1 phải trả cho Công ty X các khoản nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với PVXY sau ngày 30-9-2019 cho đến khi tất toán khoản vay.

Trường hợp ông D và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà C1 không thanh toán được toàn bộ nghĩa vụ nợ, thì Công ty X có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nêu trên để thanh toán nợ của ông D và bà C1.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm nêu trên không đủ thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ nợ của ông D và bà C1 đối với Công ty X thì PVXY có quyền thay mặt Công ty X yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản khác của ông D và bà C1 để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ nợ của ông D, bà C1 tại Công ty X.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của Công ty X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 22-11-2019 ông D, bà C1 còn nợ gốc là 12 tỷ đồng, nợ lãi trong hạn là 21.591.904.444đ, nợ lãi quá hạn là 8.125.731.250đ. Tổng là 41.717.635.694đ đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông D và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà C1 phải nợ gốc, nợ lãi nêu trên cho PVXY.

Quá trình thu thập chứng cứ Tòa án đã triệu tập ông D và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà C1 đến trụ sở Tòa án tỉnh Nam để viết bản tự khai, đối chất và tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt.

Theo đơn yêu cầu ghi ngày 30-9-2019 của ông Nguyễn Văn D gửi bằng đường bưu điện có nội dung:

Ngày 05-9-2011, Tổng Công ty Z - Chi nhánh Nam Định (PVXX) và ông cùng với vợ là Nguyễn Thị C1 có ký kết Hợp đồng tín dụng trung hạn số HĐTD-TC-022/27/2011. Theo Hợp đồng, PVXX cho vợ chồng ông vay 25 tỷ đồng để góp vốn vào Công ty D. Tuy nhiên, thực chất là PVXX nhờ ông giúp đảo nợ cho Công ty cổ phần A (sau đây viết tắt là Công ty A) để Ngân hàng không có nợ xấu.

Cụ thể: Ông đã dùng tài sản cá nhân thế chấp tại PVXX để vay một khoản tín dụng, sau đó chuyển cho Công ty A dưới hình thức thanh toán tiền hàng. Theo đó, ông đại diện cho Công ty D và Công ty A ký. kết Hợp đồng mua bán thép với giá trị khoảng 12,5 tỷ đồng. Sau khi, ký hợp đồng xong, Công ty D sẽ chuyển khoản 12,5 tỷ đồng vào tài khoản của Công ty A đã được PVXX chỉ định mở tại Ngân hàng B0 - Chi nhánh Nam Định; đồng thời ông Nguyễn Tuấn

Khanh là Tổng giám đốc, Công ty A phải ký ngay một lệnh chi thanh toán luôn khoản tiền này sang tài khoản của PVXX, sau đó, theo thỏa thuận đã W giữa các bên PVXX sẽ giải ngân tiếp khoản tiền đó.

Do nhiều năm có quan hệ tín dụng với PVXX, nên khi lãnh đạo PVXX đặt vấn đề trên, ông tin tưởng nhận lời giúp đảo nợ cho Công ty A để PVXX không có nợ xấu. Tuy nhiên, sau khi biết mục đích của việc vay vốn chỉ là đảo nợ cho Công ty A, chứ không phải để góp vốn bổ sung vào Công ty D như dự định ban đầu, nên vợ ông là bà C1 không đồng ý tiếp tục vay vốn tại PVXX. Vì vậy, PVXX đã giải ngân số tiền 25 tỷ đồng mà không có sự đồng thuận của bà C1.

Do đó, khi Công ty X khởi kiện để thu hồi nợ thì bà C1 (nay là những người thừa kế của bà C1) không có nghĩa vụ phải cùng liên đới trả nợ khoản tiền này. Mặt khác, việc ký Hợp đồng tín dụng cũng chỉ nhằm mục đích đảo nợ giúp PVXX không có khoản nợ xấu chứ thực chất không vay mượn tiền như bản chất của Hợp đồng.

Do vậy, ông yêu cầu Tòa án tỉnh Nam Định tuyên bố Hợp đồng tín dụng trung hạn số HĐTD-TC-022/27/2011 ngày 05-9-2011 vô hiệu và giải quyết hậu quả khi Hợp đồng vô hiệu, buộc Công ty A thanh toán khoản tiền 12,5 tỷ đồng đã nhận để đối trừ khoản tiền vay, ông không có nghĩa vụ hoàn trả nguyên đơn.

Quá trình thu thập chứng cứ Tòa án đã triệu tập Công ty trách nhiệm hữu hạn D, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn D đến trụ sở Tòa án tỉnh Nam Định để viết bản tự khai, đối chất và tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 18-9-2018 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Công ty A, người đại diện theo pháp luật là ông Hà Xuân T2 trình bày:

Công ty A tiền thân là Công ty đầu tư thương mại Đ0. Cuối năm 2001 và đầu năm 2002 sáu khi được UBND tỉnh Thái Bình cấp đất cho thuê, Công ty bắt đầu xây dựng và lắp ráp máy móc thiết bị dây chuyền cán thép. Ngày 18-6-2006 Công ty chuyển đổi mô hình thành Công ty A. Từ khi thành lập đến nay ông đều giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, ông Vũ Tuấn K1 giữ chức vụ Tổng giám đốc. Toàn bộ hồ sơ giấy tờ giao dịch với các Sở ban ngành, các Hợp đồng vay tín dụng Ngân hàng, các khoản vay nợ cá nhân đều do ông K1- 0 ký, cho nên ông không biết và không ký bất cứ một giấy tờ gì.

Cuối năm 2009 Công ty đi vào sản xuất thì thị trường thép rơi vào thời kỳ khủng khoảng, nên Công ty gặp khó khăn về tiêu thụ sản phẩm. Đến đầu năm 2010 Công ty tạm dừng sản xuất thì thời gian này ông K1- 0 rời Công ty cho đến nay không quay trờ lại. Công ty đã nhiều lần tìm, để ông K1- 0 bàn giao công việc nhưng không liên lạc được với ông K1- 0. Hiện nay ông K1- 0 ở đâu ông không biết.

Việc ông K1- 0 làm đơn kiến nghị gửi Tòa án cấp cao tại Hà Nội trình bày ngày 05-9-2011 giữa Tổng Công ty Z - Chi nhánh Nam Định nay là Ngân hàng

Y và ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị C1 ký Hợp đồng số 022/27/2011, cho ông D, bà C1 vay tiền và Ngân hàng dàn xếp để nhờ vợ chồng ông D, bà C1 dùng 12,5 tỷ đồng trong số tiền vay của mình trả nợ cho Công ty A để Công ty A và PVXX không bị nợ xấu. Với tư cách là Chủ tịch Hội đồng quản trị, ông khẳng định Công ty không biết ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị C1 là ai và không có việc ông D đã dùng 12,5 tỷ đồng để trả nợ cho Công ty A. Việc Tòa án đưa Công ty A tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Trọng H2, ông Hoàng Q2 và ông Phạm Huy T4, ông Đặng Quốc D1 đều trình bày:

Trên cơ sở đề nghị vay vốn của ông Nguyễn Văn D và vợ là bà Nguyễn Thị C1, sau khi xem xét đánh giá nhu cầu và mục đích vay vốn, nguồn trả nợ, tài sản bảo đảm, ngày 05-9-2011 Tổng Công ty Z - Chi nhánh Nam Định nay là Ngân hàng Y - Chi nhánh Nam Định (PVXY) đã chấp thuận ký kết Hợp đồng tín dụng số HĐTD-TC-022/27/2011 với ông D và bà C1 có nội dung như người đại diện theo ủy quyền của Công ty X trình bày.

Tại thời điểm giải ngân ông Hiếu trình bày, ông là Phó giám đốc, Tổng Công ty Z - Chi nhánh Nam Định phụ trách công tác tín dụng không tham gia vào quá trình xét duyệt khoản vay của ông D, bà C1. Ông đã tuân thủ đầy đủ các quy định nội bộ PVXX, thực hiện đúng nội dung của Hợp đồng đã ký kết với ông D, bà C1. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án một cách khách quan.

Tại thời điểm giải ngân ông T4 trình bày: Tại thời điểm tháng 9/2011 ông giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc - Tổng Công ty Z, ông không tham gia vào quá trình cho vay khoản vay trên. Nên ông không nhất trí với lời khai của ông D.

Tại thời điểm giải ngân ông Hoàng Q2 trình bày: Việc giao kết Hợp đồng tín dụng giữa PVXX và vợ chồng ông D hoàn toàn tự nguyện và PVXY Nam Định cho vay tuân thủ đầy đủ quy định nội bộ cũng như quy định của pháp luật đề nghị Tòa án giải quyết vụ án một cách khách quan.

Tại thời điểm giải ngân ông Đặng Quốc D1 trình bày: Tại thời điểm tháng 9/2011 ông giữ chức vụ Trưởng phòng kinh doanh, Công ty Z - Chi nhánh Nam Định phục vụ khách hàng doang nhiệp nên không tham gia vào quá trình cho vay trên. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án một cách khách quan.

Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định, người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn Q3 trình bày:

Căn cứ vào bản án số 20/2014/DS-ST ngày 28-4-2014 của Tòa án thành phố Nam Định, Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định (sau đây viết tắt là Cục thi hành án) đã ra quyết định thi hành án số 04/QĐ-CTHA ngày 26-11-2014 đối với ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị C1; có nội dung thi hành án là ông D và bà C1 phải trả cho PVXY số tiền 34.413.398.194đ. Trường hợp ông D, bà C1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì cơ quan thi hành án sẽ phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 2677,6m2 địa chỉ: Lô 26A tại khu đô

thị W, thành phố Nam Định đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 13-01-2009 và các tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ.

Quá trình tổ chức thi hành án, do ông D, bà C1 không tự nguyện thi hành án, nên Cục thi hành án đã thực hiện việc cưỡng chế kê biên tài sản là quyền sử dụng đất vào ngày 08-12-2015 để bảo đảm thi hành án. Sau đó, ký Hợp đồng với Công ty cổ phần thẩm định giá I tiến hành thẩm định giá tài sản với phí thẩm định giá là 50.000.000đ, Cục thi hành án đã thông báo cho ông D, bà C1 phải có trách nhiệm nộp, hoặc sẽ khấu trừ từ tiền bán tài sản để thi hành án. Tuy nhiên, do bản án số 20/2014/DS-ST ngày 28-4-2014 bị Tòa án Cấp cao tại Hà Nội hủy án và giao lại cho Tòa án thành phố Nam Định xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, do đó khoản tiền chi phí thẩm định giá tài sản kê biên là 50.000.000đ Cục thi hành án chưa thu hồi được.

Nay vụ án tiếp tục được Tòa án giải quyết, căn cứ các quy định tại khoản 1 Điều 73 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014 và điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 200/2016/TT-BTC ngày 09-11-2016 của Bộ tài chính quy định các khoản chi phí cưỡng chế thi hành án do người phải thi hành án chịu, Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị C1 là đối tượng phải thi hành án theo bản án số 20/2014/DSST ngày 28-4-2014 của Tòa án thành phố Nam Định phải thanh toán khoản chi phí cưỡng chế (phí thẩm định giá tài sản kế biên) là 50.000.000đ cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định. Trường hợp ông D, bà C1 khổng thanh toán khoản tiền chi phí cưỡng chế là 50.000.000đ thì được khấu trừ vào số tiền sau khi phát mại tài sản bảo đảm của ông D, bà C1 đế thi hành án.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã quyết định:

Căn cứ Điều 342, 343, 351, 355 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 1 Điều 73 của Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 và điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 200/2016/TT-BTC ngày 09-11-2016 của Bộ tài chính, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty X.

Buộc ông Nguyên Văn Dũng và những người kê thừa quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị C1 gồm: Ông D, anh M, chị C2, anh K, chị A do ông D là người đại diện theo pháp luật và cụ T1 phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty X số tiền là 41.717.635.694 trong đó nợ gốc là 12 tỷ đồng, nợ lãi trong hạn là 21.591.904.444đ, nợ lãi quá hạn là 8.125.731.250đ theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số HĐTD- TC-022/27/2011 ngày 05-9-2011 giữa Tổng Công ty Z - Chi nhánh Nam Định (PVXX) nay là Ngân hàng Y (PVXY) với ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị C1.

Kể từ ngày tiếp theo ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, ông D và những người

kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà C1 gồm: Ông D, anh M, chị C2, anh K, chị A do ông D là người đại diện theo pháp luật và cụ T1 phải tiếp tục chịu khoản lãi suất quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất bằng 150% mức lãi suất trong hạn mà các bên thỏa thuận trong đồng tín dụng trung hạn số HĐTD-TC-022/27/2011 ngày 05-9-2011 giữa Tổng Công ty Z- Chi nhánh Nam Định (PVXX) nay là Ngân hàng Y (PVXY) với ông D và bà C1 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp ông D và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà C1 gồm: ông D, anh M, chị C2, anh K, chị A do ông D là người đại diện theo pháp luật và cụ T1 không thanh toán nợ gốc, nợ lãi nêu trên, thì Công ty X có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng 2677,6m2 đất tại thửa đất số lô 26A tờ bản đồ quy hoạch chi tiết khu đô thị W, thành phố Nam Định đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 13-01-2009 mang tên ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị C1 theo Hợp đồng thế chấp số 10/HĐTC-BL/TCDK- CNNĐ ngày 02-3-2010 và phụ lục Hợp đồng số 01/PL/HĐTC-BL/TCDK- CNNĐ ngày 19-10-2010 để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm nêu trên không đủ thanh toán toàn bộ nghĩa vụ nợ của ông D và bà C1 tại Công ty X thì Công ty X có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản khác của ông D và bà C1 để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ nợ của ông D, bà C1 tại Công ty X.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định.

Buộc ông Nguyễn Văn D và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị C1 gồm: ông D, anh M, chị C2, anh K, chị A do ông D là người đại diện theo pháp luật và cụ T1 phải có trách nhiệm nộp cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định khoản tiền chi phí cưỡng chế thi hành án đối với bản án số 20/2014/DSST ngày 28-4-2014 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định số tiền là 50.000.000đ.

Trường hợp ông D và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà C1 gồm: Ông D, anh M, chị C2, anh K, chị A do ông D là người đại diện theo pháp luật và cụ T1 không nộp khoản tiền chi phí cưỡng chế thi hành án là 50.000.000đ thì được khấu trừ vào số tiền sau khi phát mại tài sản bảo đảm của ông D, bà C1 tại bản án này để thi hành án.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn D và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị C1 gồm: Ông D, anh M, chị C2, anh K, chị A do ông D là người đại diện theo pháp luật và cụ T1 phải nộp là 149.767.635đ.

Công ty X không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm hoàn lại cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam số tiền đã nộp tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 73 triệu đồng tại biên lai số 0000411 ngày 17-12-2018 của Chi cục thi hành án thành phố Nam Định.

Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kê từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người phải thi hành án dân sự bị đơn có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau xét xử sơ thẩm, ngày 16/12/2019 bà Nguyễn Thị T1 kháng cáo với lý do bị ốm đã xin hoãn phiên tòa nhưng tòa cấp sơ thẩm vẫn xét xử là không khách quan; cùng ngày ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Dũng M, Nguyễn Trí K; Công ty D có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm, để xét xử lại.

Ngày 22/02/2020, bà Nguyễn Thị T1 chết. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm các người thừa kế hàng thứ nhất của bà T1 không hợp tác, từ chối tham gia tố tụng. Ngày 28/4/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội ra quyết định Tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án. Ngày 14/02/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của bị đơn ông Nguyễn Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Dũng M, Công ty D trình bày vẫn giữ nguyên kháng cáo, các quan điểm, nội dung tại cấp sơ thẩm và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là không khách quan, không thụ lý và giải quyết yêu cầu phản tố, không đưa Công ty cổ phần U (sau đây viết tắt là Công ty U) tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trong tố tụng, việc tính lãi là không đúng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện của nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến trình bày tại cấp sơ thẩm; kháng cáo về việc không triệu tập anh M và chị C2 là không căn cứ, do vậy đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng như sau: Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật. Ngày 22/02/2020, bà Nguyễn Thị T1 chết, các người thừa kế hàng thứ nhất của bà T1 không hợp tác, từ chối tham gia tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà T1. Trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những

người tham gia tố tụng chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đương sự của mình theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ, đơn kháng cáo; qua nghe các đương sự trình bày, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên toà, thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không cung cấp thêm các tài liệu, chứng cứ mới nào. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như không đưa Công ty U vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; Ngày 30/9/2019, không thụ lý và giải quyết yêu cầu của ông Nguyễn Văn D yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng tín dụng số HĐTD-TC-022/27/2011 ngày 05/9/2011 giữa ông D, bà C1 với Công ty Cổ phần Dầu khí Việt Nam chi nhánh Nam Định vô hiệu và giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu; buộc Công ty A thanh toán khoản tiền 12,5 tỷ đồng đã nhận để đối trừ khoản tiền vay của ông tại PVXX; còn có những mâu thuẫn trong lời trình bày của các được sự về việc ba bên gồm ông D, ông K1- 0 và PVXX thỏa thuận các nội dung về vay đảo nợ thông qua việc mua bán Thép nhưng Tòa án sơ thẩm chưa xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ để làm rõ mà đã buộc ông D và những người thừa kế quyền quyền và nghĩa vụ của bà C1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền 41.717.635.694 đồng (gồm cả tiền gốc và tiền lãi) cho nguyên đơn là chưa đủ cơ sở vững chắc.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà T1; chấp nhận kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm để xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến của các bên đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tổng Công ty Z (PVXX) nay là Ngân hàng Y (PVXY) và ông Nguyễn Văn D cùng vợ là bà Nguyễn Thị C1 tranh chấp về Hợp đồng tín dụng số HĐTD-TC-022/27/2011. Trong quá trình giải quyết vụ án do có đương sự cư trú ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định là Tòa án có thẩm quyền giải quyết sơ thẩm.

Ngày 22/02/2020, bà Nguyễn Thị T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chết, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T1 không hợp tác và từ chối tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà T1.

Tại phiên tòa, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên kháng cáo.

Xét kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Dũng M, Công ty D, ông Nguyễn Trí K, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về

nội dung các kháng cáo này có cùng yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Về nội dung:

[2] Ngày 05-9-2011, PVXX và ông Nguyễn Văn D cùng vợ là bà Nguyễn Thị C1 ký Hợp đồng tín dụng số HĐTD-TC-022/27/2011 với nội dung cơ bản là: PVXX cấp tín dụng cho ông D, bà C1 vay là 25 tỷ đồng để ông D góp vốn vào Công ty D. Thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày giải ngân. Ông D cũng thừa nhận cùng với vợ là bà C1 đã ký kết Hợp đồng tín dụng trung hạn số HĐTD-TC-022/27/2011 ngày 05-9-2011, nhưng thực chất là PVXX nhờ ông giúp đảo nợ cho Công ty A, để PVXX không có nợ xấu. Theo tài liệu của hồ sơ vụ án, thể hiện tại cấp sơ thẩm vào ngày 30/9/2019, ông Nguyễn Văn D đã nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng tín dụng số HĐTD-TC-022/27/2011 ngày 05/9/2011 giữa ông D, bà C1 với Công ty cổ phần Dầu khí Việt Nam chi nhánh Nam Định vô hiệu và giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu; buộc Công ty A thanh toán khoản tiền 12,5 tỷ đồng đã nhận để đối trừ khoản tiền vay của ông tại PVXX. Tại Biên bản về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất ngày 07/10/2019, Tòa án cấp sơ thẩm cũng công khai đơn và yêu cầu trên của ông D, xác định là yêu cầu phản tố. Như vậy, nội dung yêu cầu của ông D được xác định là yêu cầu phản tố, được bị đơn đưa ra trước thời điểm mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Theo quy định thì phải được Tòa án thụ lý và giải quyết trong vụ án. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn đương sự làm các thủ tục để thụ lý và giải quyết yêu cầu này của ông D theo quy định là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 200, 202 của Bộ luật tố tụng dân sự, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[3] Căn cứ hồ sơ vay vốn của ông Nguyễn Tiến D2 và bà Nguyễn Thị C1 tại PVXX - Chi nhánh Nam Định thấy: Theo Hợp đồng thế chấp số 10/HĐTC-BL/TCDK-CNNĐ ngày 02/3/2010 này thì ông D, bà C1 đồng ý thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của mình (gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại lô số 26A, diện tích 2.677,6m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 338959 do UBND thành phố Nam Định cấp ngày 13/01/2009 mang tên ông D, bà C1) để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự của Công ty U với PVXX Nam Định theo Hợp đồng bảo lãnh số 20/HĐBL-TCDK-CNNĐ ngày 10/02/2010 được ký kết giữa Công ty U với PVXX Nam Định. Theo phụ lục Hợp đồng thế chấp số 01/PL/HĐTC-BL/TCDK-CNNĐ ngày 19/10/2010, ông D, bà C1 đồng ý thế chấp khối tài sản nêu trên để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ tài chính của ông D, bà C1 và một phần nghĩa vụ tài chính của Công ty U đối với PVXX phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo lãnh được ký kết giữa ông D, bà C1 với PVXX và các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo lãnh được ký kết giữa Công ty U với PVXX. Tại Hợp đồng tín dụng số HĐTD-TC-022/27/2011 ngày 05/9/2011 thể hiện ông D, bà C1 vay PVXX số tiền 25.000.000.000 đồng, mục đích để góp vốn bổ sung vào Công ty D. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại lô số 26A, diện tích 2.677,6m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM338*** do UBND thành phố Nam Định cấp ngày 13/01/2009 mang tên ông D, bà C1, theo Hợp đồng thế chấp

quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 10/HĐTC-BL/TCDK-CNNĐ ngày 02/3/2010. Do vậy, việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Công ty U. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm Công ty U có ý kiến cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đảm bảo quyền lợi của Công ty. Do đó, Tòa án sơ thẩm không đưa Công ty U vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Tuấn K2 - Tổng giám đốc Công ty A có lời trình bày thể hiện Công ty D và Công ty A có ký kết Hợp đồng mua bán thép với giá trị 12,5 tỷ đồng. Ông K1- 0 còn khẳng định: *"Không bao giờ có việc tự nhiên Công ty anh D lại ký Hợp đồng mua thép với Công ty chúng tôi (khi dây chuyền sản xuất còn chưa hoàn thiện) và lại chuyển trả trước toàn bộ số tiền 12.500.000.000 VNĐ và tôi phải ký toàn bộ các ủy nhiệm chi để chi luôn khoản tiền mà Công ty anh D chuyển cho tôi sang cho PVXX".* Tuy vậy, ông Hà Xuân T2 là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty A trình bày rằng: *"Từ khi Công ty được thành lập tôi giữ chức vụ chủ tịch Hội đồng quản trị; ông Phạm Tuấn K2 được cử giữ chức vụ Tổng giám đốc. Toàn bộ giấy tờ giao dịch với các sở, ban ngành, các Hợp đồng vay tín dụng ngân hàng, các khoản vay nợ cá nhân đều do ông Phạm Tuấn K2 ký. Tôi không biết và không ký bất cứ một giấy tờ gì";* đồng thời lại khẳng định không biết ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị C1 là ai và không có việc ông D đã dùng số tiền 12,5 tỷ đồng để trả nợ cho Công ty A. Do đó, còn có những mâu thuẫn trong lời trình bày của các đương sự; có việc ba bên gồm ông D, ông K1- 0 và PVXX thỏa thuận các nội dung như ông D, ông K1- 0 trình bày hay không? Mặt khác, theo lời trình bày của ông Trần Trọng H2, ông Hoàng Q2, ông Đặng Quốc D1 và ông Phạm Huy T4 thì trên cơ sở đề nghị vay vốn của ông D và bà C1, sau khi xem xét đánh giá nhu cầu và mục đích vay vốn, nguồn trả nợ, tài sản bảo đảm cho số tiền vay, cũng như lịch sử tín dụng, mối quan hệ với khách hàng nên ngày 05-9- 2011 PVXX đã chấp thuận ký kết Hợp đồng tín dụng số HĐTD-TC-022/27/2011 với ông D và bà C1 và thực hiện đúng các cam kết trong Hợp đồng tín dụng, PVXX đã chuyển số tiền vay vào tài khoản của Công ty D. Căn cứ vào chứng từ giải ngân thể hiện ngày 05-9-2011 PVXX đã chuyển 25 tỷ đồng vào tài khoản của Công ty D. Theo tài liệu hồ sơ vụ án, thời điểm đó PVXX là cổ đông của Công ty A, nắm giữ 20% vốn góp do ông Phạm Huy T4 làm đại diện. Do vậy, việc Công ty D do ông D làm đại diện và Công ty A do ông K1- 0 là Tổng giám đốc có ký kết Hợp đồng mua thép thời điểm đó không? Quy trình chuyển tiền, dòng tiền dịch chuyển sau khi ký kết Hợp đồng mua bán thép được thực hiện như thế nào? Mục đích của giao dịch vay vốn và nguồn vốn vay được sử dụng để làm gì? Có việc đảo nợ giảm tỷ lệ nợ xấu cho Công ty A hay không? Tất cả những nội dung trên chưa được Tòa án sơ thẩm xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ để làm rõ mà đã buộc ông D và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà C1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền 41.717.635.694 đồng (gồm cả tiền gốc và tiền lãi) cho nguyên đơn là chưa đủ cơ sở vững chắc.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án do bà Nguyễn Thị C1 là đồng bị đơn chết, Tòa án cấp sơ thẩm đã bổ sung người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà C1. Căn cứ theo quy định tại Điều 620, 615 Bộ luật dân sự thì trách nhiệm của người thừa kế thực hiện nghĩa vụ tài sản của người chết để lại chỉ áp dụng với người hưởng di sản thừa kế. Trong trường hợp nếu người thừa kế từ chối quyền hưởng di sản thì họ không phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập ý kiến, quan điểm của những người này về việc kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà C1 để giải quyết vụ án là thiếu sót, quyết định của bản án chưa đủ cơ sở vững chắc. Đồng thời, tại Biên bản xác minh ngày 02/5/2019 của Tòa án cấp sơ thẩm xác định chị Nguyễn Thu C2 hiện đang đi du học, không có mặt ở Việt Nam. Theo chị C2 thì hiện chị đang cư trú tại 69 H2, đường K0, quận C3, Thành Đô, Trung Quốc. Hồ sơ vụ án cũng không thể hiện việc Tòa án cấp sơ thẩm đã tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định cho chị C2 là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng được quy định tại chương X Bộ luật Tố tụng dân sự về việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng.

[6] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, vi phạm trong việc thu thập tài liệu chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà T1; chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, hủy bản án sơ thẩm là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, hủy bản án sơ thẩm.

[8] Do bản án sơ thẩm bị hủy, nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung kháng cáo tính lãi không đúng của các đương sự có kháng cáo.

[9] Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên các đương sự có kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1.

2. Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Dũng M, ông Nguyễn Trí K, Công ty trách nhiệm hữu hạn D; Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Dũng M, Công ty trách nhiệm hữu hạn D; ông Nguyễn Trí K không phải chịu án phí

phúc thẩm.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn D 2.000.000 (hai triệu) đồng; theo biên lai tạm ứng án phí số 0001737 ngày 14/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định;.

- Trả lại cho ông Nguyễn Dũng M 2.000.000 (hai triệu) đồng; theo biên lai tạm ứng án phí số 0001739 ngày 19/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định;

- Trả lại cho Công ty TNHH D 2.000.000 (hai triệu) đồng; theo biên lai tạm ứng án phí số 0001738 ngày 19/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định;

- Trả lại cho ông Nguyễn Trí K 2.000.000 (hai triệu) đồng; theo biên lai tạm ứng án phí số 0001736 ngày 19/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định.

Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm các đương sự đã nộp được quyết định khi Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định giải quyết lại vụ án.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, phòng HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Điều Văn Hằng

CÁC THẨM PHÁN		THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)		**(ĐÃ KÝ)**
Nguyễn Phan Nam	**Lê Thị Thúy Bình**	**Điều Văn Hằng**